|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**  Số:  /QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Quảng Trị, ngày   tháng   năm 2021* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định danh mục lĩnh vực, địa bàn và các chính sách khuyến khích xã hội hóa**

**trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021- 2023**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008;*

*Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn các cơ sở thực hiện xã hội hóa; Quyết định 693 /QĐ-TTg ngày 06/5/2013 về việc sửa đổi, bỗ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sờ thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, vãn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg; Quyết định 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 về việc sửa đổi, bổ sung tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn các cơ sở xã hội hóa;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số.... ngày...; Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số ... ngày; Chánh Văn phòng UBND tỉnh;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Lĩnh vực xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 quyết định này.

2. Đối tượng điều chỉnh của Nghị định

a) Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các lĩnh vực xã hội hóa;

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

3. Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa: Thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

**Điều 2.** Lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2023, bao gồm:

1. Các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo gồm: trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học; Các cơ sở giáo dục chuyên biệt cho trẻ khuyết tật, khiếm khuyết.

2. Các dự án thuộc lĩnh vực đào tạo nghề nghiệp gồm: trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học.

Các dự án thuộc lĩnh vực dạy nghề: Cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề

3. Các dự án thuộc lĩnh vực y tế gồm:

- Bệnh viện, cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng.

- Phòng khám đa khoa (có từ 4 chuyên khoa trở lên) và tối thiểu có 10 giường lưu tại các địa bàn kinh tế xã hội khó khăn; phòng khám đa khoa (có từ 3 chuyên khoa trở lên) và tối thiểu 8 giường lưu tại các địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

- Trung tâm tư vấn về sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình: quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.

- Cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm: quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.

- Cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và sinh phẩm y tế; đính giá sinh khả dụng và tương đương sinh học:quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.

- Cơ sở tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ cho người nhiễm HIV/AIDS: quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên;

- Cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở trợ giúp trẻ em; trung tâm công tác xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy.

4. Các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa, gồm: Bảo tàng tư nhân; Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống; Cơ sở trình diễn/ diễn xướng dân gian; Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng; cơ sở chiếu phim; nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động khu vực huyện, thị xã, thành phố.

5. Các dự án thuộc lĩnh vực thể thao, gồm: Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao năng khiếu và thành tích cao; Cơ sở huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao cho người khuyết tật… Sân thể thao, bao gồm: Sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân bóng rổ, sân bóng ném, sân tập, sân vận động, khu liên hợp thể thao, nhà luyện tập thể thao.

6. Các dự án thuộc lĩnh vực môi trường, gồm: Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải; Cơ sở xử lý rác thải; Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế); Cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế); Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán; Cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị; Cơ sở sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường; Cơ sở hỏa táng, điện táng; Cơ sở cung cấp nước sạch.

7. Các dự án thuộc lĩnh vực giám định tư pháp khuyến khích xã hội hóa theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Địa bàn khuyến khích xã hội hóatrên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2023, bao gồm:

1. Địa bàn Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị.

2. Địa bàn khuyến khích xã hội hóa: nhóm các đô thị loại V.

3. Địa bàn đặc biệt khuyến khích xã hội hóa: các địa bàn còn lại.

**Điều 4**. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải thuộc danh mục các loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn được quy định tại các Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành và sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và các quy định sửa đổi bổ sung có liên quan.

2. Dự án xã hội hóa phải thuộc Danh mục lĩnh vực, địa bàn khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được UBND tỉnh phê duyệt và công bố theo giai đoạn 3 (ba) năm theo quy định.

3. Dự án xã hội hóa phải phù hợp với quy hoạch tỉnh; quy hoạch đô thị ; quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm; và các quy hoạch khác (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Không bao gồm các dự án được bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo đề xuất của nhà đầu tư).

4. Dự án xã hội hóa phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư theo đúng quy định quy định.

5. Nhà đầu tư có đăng ký nộp thuế tại tỉnh Quảng Trị đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

6. Nhà đầu tư không có vi phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, thuế, môi trường và các quy định pháp luật khác trong quá trình thực hiện dự án.

7. Dự án không chậm tiến độ hoặc tạm ngừng hoạt động, không vi phạm các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc các văn bản có giá trị tương đương.

8. Nhà đầu tư, doanh nghiệp không đang trong các tình trạng sau: Phá sản, tạm ngừng hoạt động, mất khả năng chi trả, đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong giai đoạn điều tra, truy tố.

9. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề xuất hỗ trợ theo đúng quy định.

**Điều 5.** Chế độ miễn tiền thuê đất

**1.** Đối với địa bàn Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị: Được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 (ba) năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất; sau thời gian xây dựng cơ bản, được:

- Miễn tiền thuê đất 03 năm đối với các dự án thuộc danh mục xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này nhưng không thuộc danh mục Ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục II Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Miễn tiền thuê đất 05 năm đối với các dự án thuộc danh mục xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục II Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Miễn tiền thuê đất 07 năm đối với các dự án thuộc danh mục xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục II Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

**2. Đối với địa bàn khuyến khích xã hội hóa (nhóm các đô thị loại V):** Được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 (ba) năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất; sau thời gian xây dựng cơ bản, được:

- Miễn tiền thuê đất 10 năm đối với các dự án thuộc danh mục xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này nhưng không thuộc danh mục Ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục II Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Miễn tiền thuê đất 15 năm đối với các dự án thuộc danh mục xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục II Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Miễn tiền thuê đất 20 năm đối với các dự án thuộc danh mục xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục II Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

3. Đối với địa bàn đặc biệt khuyến khích xã hội hóa (các địa bàn còn lại): Được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê.

4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất với nhiều lĩnh vực và (hoặc) trên nhiều địa bàn khác nhau thì được hưởng chế độ miễn tiền thuê đất theo diện tích thuê của từng lĩnh vực và (hoặc) địa bàn tương ứng.

5. Các trường hợp không miễn tiền thuê đất

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa được giao đất, cho thuê đất thông quá đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định tại Điều 4 Quyết định này.

**Điều 6.** Các chính sách khuyến khích xã hội hóa khác:

Cơ sở xã hội hóa trên địa bàn tỉnh đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4, Quyết định này được hưởng các chính sách khuyến khích xã hội hóa quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ); Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và các quy định khác có liên quan.

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký và ban hành.

Những nội dung khác liên quan đến chính sách khuyến khích xã hội hóa mà không quy định trong Quyết định này thì áp dụng theo các quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

**1. Sở Tài nguyên và Môi trường**:

- Chủ trì và phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành, địa phương có liên quan bố trí, xác định các vị trí, khu vực đất dành để thu hút đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh; Công bố công khai quy hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành và công bố công khai chế độ miễn, giảm tiền thuê đất; chính sách hỗ trợ bồi thường và giải phóng mặt bằng theo lĩnh vực và địa bàn khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh công bố công khai quy trình, thủ tục giải quyết việc giao đất, cho thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

**2. Sở Xây dựng**:

Phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có liên quan đề xuất các vị trí để phát triển các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong quá trình lập, thẩm định các quy hoạch xây dựng trên cơ sở phù hợp với quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

**3. Cục Thuế tỉnh**:

- Chủ trì, hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa về quy trình, thủ tục thực hiện các chính sách ưu đãi và nghĩa vụ về thuế theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở chuyên ngành và địa phương có liên quan tiến hành kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn theo quy định của cơ sở thực hiện xã hội hóa tại thời điểm dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động.

- Xem xét, áp dụng các chính sách miễn, giảm tiền thuê đất, thuế, phí đối với các cơ sở, dự án xã hội hóa đáp ứng các điều kiện theo đúng quy định. Trường hợp phát hiện cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định bãi bỏ các ưu đãi, truy thu nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

- Tổng hợp, báo cáo về số thu nộp tiền thuê đất, số liệu miễn, giảm tiền thuê đất, miễn giảm các loại thuế, phí đối với các dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh của năm trước liền kề và các nội dung khác có liên quan gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định (*trước ngày 10/6 và 10/12 hàng năm*).

**4. Ngân hàng Chính sách tỉnh**:

- Hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa lập hồ sơ, thủ tục vay vốn tín dụng đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về tín dụng đầu tư của nhà nước.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình hỗ trợ tín dụng hoặc hỗ trợ sau đầu tư cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định (*trước ngày 10/6 và 10/12 hàng năm*).

**5. Cục Hải quan tỉnh:**

- Hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa quy trình, thủ tục thực hiện chính sách ưu đãi và nghĩa vụ về thuế xuất, nhập khẩu theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình miễn giảm, ưu đãi về thuế xuất, nhập khẩu theo chính sách xã hội hóa tại Quyết định này theo gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định (*trước ngày 10/6 và 10/12 hàng năm*).

**6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở, ngành, UBND huyện/thị xã/thành phố và các đơn vị có liên quan rà soát, tổng hợp trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Danh mục lĩnh vực xã hội hóa và Chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh theo định kỳ **03 (ba) năm** một lần đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật.

- Tham mưu UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa (ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế) theo đúng quy định.

- Tham mưu áp dụng chính sách ưu đãi xã hội hóa đối với từng dự án cụ thể trong chấp thuận chủ trương đầu tư (Ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế).

- Định kỳ 6 tháng *(ngày 15/6 và ngày 15/12)*hàng năm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các ưu đãi theo chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các dự án thực hiện thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trình UBND tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định.

**7. Sở Tài chính:**

- Phối hợp với cơ quan chủ quản được giao quản lý cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để có ý kiến về giá cho thuê và các nội dung khác có liên quan.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh chế độ miễn, giảm tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực.

- Phối hợp với các ngành hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa hoàn trả ngân sách nhà nước các khoản ưu đãi đối với trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng quy định về tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo các nội dung đã cam kết hoặc sử dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả.

**8. Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh:**

- Tham mưu UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa (trong khu công nghiệp, khu kinh tế) theo đúng quy định.

- Tham mưu áp dụng chính sách ưu đãi xã hội hóa đối với từng dự án cụ thể trong chấp thuận chủ trương đầu tư (trong khu công nghiệp, khu kinh tế).

- Định kỳ 6 tháng *(ngày 10/6 và ngày 10/12)*hàng năm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các ưu đãi theo chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các dự án thực hiện tại địa bàn Khu công nghiệp, Khu kinh tế gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, trình UBND tỉnh theo quy định.

**9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện**:

- Căn cứ quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy hoạch khác có liên quan đề xuất, xây dựng danh mục thu hút đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan, nhà đầu tư thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để giao đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn.

**10. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa**

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định số [69/2008/NĐ-CP](https://hethongphapluat.com/docs/go/50d349f09b30f4f3f7e30178848f3151/) ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường.

- Tổ chức triển khai dự án bảo đảm đúng yêu cầu về tiến độ và đúng nội dung đã đăng ký, đã được phê duyệt; chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Thực hiện đầu tư dự án theo đúng nội dung dự án đã được phê duyệt và đáp ứng danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định.

- Định kỳ báo cáo tình hình đầu tư, hoạt động kinh doanh gửi các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và cơ quan thuế cùng cấp theo quy định của pháp luật (*trước ngày 10/6 và 10/12 hàng năm*).

11. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội; Văn hóa và Thể thao; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp; Xây dựng; Y tế; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Chính sách tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Chính phủ; - Bộ Tài chính; - Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp; - TT TU,  - TT HĐND tỉnh; - Ủy ban MTTQVN tỉnh; - CT, các PCT UBND tỉnh; - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Cục Thuế TP, Cục Hải tỉnh; - Ngân hàng Chính sách tỉnh; - Báo Quảng Trị, Đài PTTH tỉnh; - Cổng TTĐT tỉnh; - Lưu: VT, CN. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH**    **Võ Văn Hưng** |